

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-PT

Ngày: 13-3-2023

V/v *Tranh chấp hợp đồng dân  
sự vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nguyệt

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Thành Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Ông Trần Minh Công  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 26/7/2022, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Trần Thị Phương L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số M đường H, phường S, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Lô EH Khu quy hoạch H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 08/3/2021.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang M, sinh năm 1960; bà Lê Thị L2, sinh năm 1964.

Cùng trú tại: Lô EM khu quy hoạch T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Chị Trần Thị Ngân H, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số A TL, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 06/4/2022.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Phương Đại Ng và Luật sư Nguyễn Văn H – Công ty luật TNHH Đ, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: Số A TL, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hồ Văn Th, sinh năm 1978.

Địa chỉ: N V, phường T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Chị Hồ Thị Phương Tr, sinh năm 1992.

Địa chỉ: V H, phường S, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Quang M, bà Lê Thị L2.

*(Bà Phương L, bà Kim L1, ông M, bà L2, bà Ngân H và Luật sư Hg có mặt tại phiên tòa, Luật sư Ng và người làm chứng vắng mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt ngày 25/02/2021 và lời khai của người đại diện cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L1 trình bày thì:*

Do quen biết trong quá trình tham gia huê, giữa bà L và vợ chồng ông M – bà L2 có phát sinh việc vay mượn tiền, qua nhiều lần mượn và trả đầy đủ tiền mượn. Đến ngày 10/11/2020, vợ chồng ông M – bà L2 mượn của bà L 01 dây huê có mệnh giá 50.000.000 đồng (*huê sống, do ông Hồ Văn Th làm chủ huê*), dây huê gồm 18 phần (*trong đó có bà L2 tham gia*), hót chót 850.000.000 đồng, tại thời điểm cho mượn dây huê thì bà L đang tham gia ở kỳ huê thứ 12. Khi cho mượn, hai bên thỏa thuận việc trả nợ vay, cụ thể: Sau 01 tháng tức là ngày 10/12/2020, vào kỳ mở huê thứ 13 nhà con tiếp theo hót được bao nhiêu tiền thì ông M – bà L2 trả cho bà số tiền bằng với số tiền mà nhà con hót ở kỳ huê 13 này, còn 6 phần huê chết còn lại phải đóng tháng tương ứng với số tiền 300.000.000 đồng thì bà L có nghĩa vụ đóng cho nhà cái cho tới khi kết thúc dây huê.

Tại kỳ huê thứ 12 để hót được tiền huê cho ông M – bà L2 mượn, bà L đã bỏ huê số tiền là 18.000.000 đồng. Chiều ngày 10/11/2020, theo nhờ cậy của bà L thì chị Hồ Thị Phương Tr (*là con gái của bà L*) đến quán Ốc của ông Th tại đường N để nhận tiền số tiền huê hót được là 730.000.000 đồng (*không bao gồm số tiền huê 32.000.000 đồng mà bà L phải đóng ở kỳ huê thứ 12*). Ông Th giao

số tiền này trên xe ô tô của chị Tr để trước quán Ốc của ông Th.

Số tiền huê bà L hốt được vào ngày 10/11/2020 được chia làm 2 phần chuyển giao cho ông M – bà L2, cụ thể:

- Theo yêu cầu của ông M (*qua điện thoại*), chị Tr đã giao cho ông Th số tiền 470.000.000 đồng trên xe ô tô của chị Tr tại thời điểm ông Th giao tiền huê của bà L.

- Số còn lại 260.000.000 đồng và 32.000.000 đồng (*tiền huê kỳ thứ 12 bà L phải đóng*) được bà L giao cho ông M tại nhà riêng (*tại số M H, phường S, thành phố Đà Lạt*). Khi giao có 03 người là ông M, bà L, chị Tr. Sau khi nhận tiền, ông M đưa cho bà L 01 giấy mượn huê (*không ghi ngày tháng nhưng bà Lê Thị L2 có ký tên với tư cách là người mượn huê*). Và theo yêu cầu của bà L thì ông M mới ghi thêm dòng chữ “*đến ngày 10/12/20 nếu chưa trả thì vợ chồng em bán nhà lại chị L. Ký tên Nguyễn Quang M*”.

Đến kỳ mở huê thứ 13 nhà con tiếp theo hốt ngày 10/12/2020, bà L có yêu cầu ông M – bà L2 thực hiện nghĩa vụ của người mượn huê theo thỏa thuận nhưng ông M – bà L2 nói chờ bán nhà trả cho bà L.

Tuy đây huê này đã kết thúc vào ngày 10/5/2021, bà L cũng đã đóng xong 06 phần huê chết cho nhà cái (*ông Th*) nhưng cho tới nay, ông M – bà L2 cũng không trả tiền đối với đây huê đã mượn ngày 10/11/2020 cho bà theo thỏa thuận của hai bên.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Quang M, bà Lê Thị L2 phải trả cho bà số tiền 1.062.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi hai triệu đồng*), trong đó: số tiền gốc là 730.000.000 đồng, số tiền huê sống là 32.000.000 đồng và 06 phần huê chết mà bà phải đóng từ kỳ huê thứ 13 đến kết thúc kỳ huê cuối là 300.000.000 đồng.

*Theo bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày thì:*

Bà Lê Thị L2 là vợ của ông Nguyễn Quang M có làm ăn chung với bà Nguyễn Trần Thị Phương L. Khoảng cuối năm 2020, do cần tiền để làm ăn nên bà L2 có hỏi mượn tiền của bà L. Do bà L không có tiền nhưng có ngỏ ý cho mượn 01 đây huê 50.000.000 đồng và yêu cầu bà L2 viết giấy mượn huê. Vào ngày mở huê 10/11/2020, bà L2 viết giấy mượn huê đưa cho ông M. Buổi chiều cùng ngày, ông M cầm giấy mượn huê đến nhà bà L để lấy tiền. Tại đây thực hiện yêu cầu của bà L, ông M đã ghi bổ sung nội dung góc bên trái của giấy mượn huê cam kết thời điểm trả nợ và giao giấy này cho bà L nhưng ông M không nhận được số tiền nào từ bà L như đã thỏa thuận. Nay bà L yêu cầu trả nợ huê và 6 phần huê chết với số tiền 1.062.000.000 đồng thì ông bà không đồng ý.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 26/7/2022, Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Trần Thị Phương L. Buộc bà Lê Thị L2, ông Nguyễn Quang M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Trần Thị Phương L số tiền 1.062.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi hai triệu đồng*)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 05/8/2022, bị đơn ông Nguyễn Quang M, bà Lê Thị L2 kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm nhập vụ án này với vụ án theo Thông báo thụ lý số 27/2021/TB-TLVA ngày 23/02/2021 để giải quyết trong cùng một vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông M, bà L2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư H cho rằng: Việc ông M, bà L2 lập “Giấy mượn huê” là có liên quan đến việc chuyển nhượng căn nhà. Hiện nay, vợ chồng bà L, ông V đang khởi kiện ông M, bà L2 trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo Thông báo thụ lý vụ án số 27/2021/TB-TLVA ngày 23/02/2021 của TAND thành phố Đà Lạt. Hơn nữa, việc bà L yêu cầu ông M, bà L2 phải trả số tiền 1.062.000.000 đồng là không có cơ sở. Bởi, dây huê này nếu hốt chót thì chỉ được số tiền 850.000.000 đồng, không có thỏa thuận việc đóng 06 phần huê chết từ kỳ huê thứ 13 đến khi kết thúc dây huê; không có giấy tờ thể hiện có giao nhận tiền. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn hủy bản án sơ thẩm để Tòa án cấp sơ thẩm nhập vụ án này với vụ án theo Thông báo thụ lý số 27/2021/TB-TLVA ngày 23/02/2021 để giải quyết trong cùng một vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị, không chấp nhận kháng cáo của ông M, bà L2. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc bà Nguyễn Trần Thị Phương L cho rằng ông Nguyễn Quang M, bà Lê Thị L2 vay tiền dây huê của bà không trả nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M, bà L2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho bà. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng pháp luật.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, Luật sư Nguyễn Phương Đại Nghĩa là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn vắng mặt, bị đơn ông M, bà L2 đồng ý xét xử vắng mặt Luật sư Nghĩa nên vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông M, bà L2:

[3.1] Đối với kháng cáo không đồng ý trả tiền nợ huê cho bà Nguyễn Trần Thị Phương L. Theo hồ sơ thể hiện, bà L2 có mượn của bà L 1 dây huê 50.000.000 đồng hẹn ngày 10/12/2020 sẽ trả. Tại phiên Đối chất ngày 06/7/2021 và tại Biên bản hòa giải ngày 15/9/2021 các bên thừa nhận dây huê 50.000.000 đồng mà bà L2 mượn là dây huê do ông Hồ Văn Th làm chủ huê (*nhà cái*) mở vào ngày 10/11/2019 có 18 người tham gia (*trong đó có bà L và bà L2*), dây huê kết thúc ngày 10/5/2021. Thời điểm bà L2 viết giấy mượn tiền dây huê trên của bà L là ngày 10/11/2020 tương ứng với thời điểm mở huê ở kỳ thứ 12 của dây huê và bà L đã bỏ số tiền 18.000.000 đồng để hốt huê. Tổng số tiền huê do chủ huê (*nhà cái*) ông Th đã chồng cho bà L là 730.000.000 đồng (*không bao gồm 32.000.000 đồng là phần huê bà L phải đóng ở kỳ huê 12*), người nhận tiền huê thay cho bà L là chị Hồ Nguyễn Phương Tr (*con gái bà L*) vào ngày mở huê. Địa điểm nhận tiền trên xe ô tô của chị Tr trước Quán Ốc của ông Th tại đường Nguyễn Thị Minh Khai – chợ Đà Lạt.

Chứng cứ là giấy mượn huê do nguyên đơn xuất trình thể hiện: Giấy mượn huê gồm có 02 phần: phần thứ 1 từ trên xuống, ký ghi rõ họ tên Lê Thị L2 với tư cách là người mượn huê và phần thứ 2 (*ghi phía dưới của giấy mượn huê*) có nội dung: “*đến ngày 10/12/20 nếu chưa trả thì vợ chồng em bán nhà lại chị L*”, người ký ghi rõ họ tên Nguyễn Quang M.

Tại biên bản đối chất ngày ngày 06/7/2021, ông M, bà L2 thừa nhận phần thứ nhất của giấy mượn huê là do bà L2 viết ngoài chợ vào ngày mở huê ngày 10/11/2021, còn nội dung tại phần thứ 2 thì do ông M viết bổ sung tại nhà bà L vào buổi chiều cùng ngày theo yêu cầu của bà L.

Như vậy, cả 02 phần nội dung trên giấy mượn huê đều do vợ chồng ông M, bà L2 viết vào 02 thời điểm khác nhau trong cùng ngày 10/11/2020. Ông M, bà L2 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên phải chịu trách nhiệm đối với những nội dung đã cam kết.

Mặt khác, ông M biết rõ việc vay mượn huê cũng như tổng số tiền của dây huê mà bà Lê Thị L2 (*là vợ ông M*) mượn của bà Nguyễn Trần Thị Phương L ngày 10/11/2020 là 762.000.000 đồng (*bao gồm 17 phần huê ông Th chồng cho bà L và phần huê bà L phải đóng tại kỳ huê thứ 12 là 32.000.000 đồng*). Đồng thời, kể từ kỳ huê thứ 13 đến khi kết thúc dây huê vào ngày 10/5/2021, bà L là người thực hiện nghĩa vụ đóng huê chết cho ông Th. Theo xác nhận của ông Th thì tổng số tiền huê chết bà L đã đóng huê chết cho ông là 300.000.000 đồng (*tương ứng với 06 phần huê chết còn lại*). Bà L tham gia từ ngày 10/11/2019 đến thời điểm hết huê ngày 10/11/2020 để cho vợ chồng ông M, bà L2 mượn. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông M – bà L2 có trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền huê chết mà bà L đã đóng cho ông Th sau khi hết huê là 300.000.000 đồng là có căn cứ.

Tại giấy mượn huê, ông M xác nhận nội dung: “*đến ngày 10/12/20 nếu chưa trả thì vợ chồng em bán nhà lại chị L*”. Do không trả được số tiền đã mượn nên ông M, bà L2 thực hiện đúng cam kết lập Hợp đồng bán căn nhà tại số 17F Tô Hiến Thành, phường 3, thành phố Đà Lạt cho vợ chồng ông Vinh, bà L với giá 10 tỷ đồng vào ngày 15/10/2020 và ông Vinh, bà L đặt cọc cho ông M, bà L2 số tiền 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng*). Trong số tiền đặt cọc đã trừ số tiền huê mà vợ chồng ông M, bà L2 đã mượn. Tuy nhiên, theo các giấy tờ, tài liệu được thiết lập giữa hai bên mà bị đơn cung cấp không có nội dung nào cho thấy giữa vợ chồng ông M, bà L2 và vợ chồng ông Vinh, bà L thỏa thuận việc trừ số tiền mượn huê trên vào số tiền 3.000.000.000 đồng mà vợ chồng ông Vinh, bà L đã đặt cọc liên quan đến chuyển nhượng căn nhà tại số 17F Tô Hiến Thành, phường 3, thành phố Đà Lạt. Như vậy, có căn cứ cho thấy cho vợ chồng ông M, bà L2 chưa trả tiền nợ huê cho bà L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà L2, ông M trả cho bà L số tiền 1.062.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.2] Đối với kháng cáo của bà L2, ông M yêu cầu nhập vụ án thì thấy rằng: Việc vay mượn huê và chuyển nhượng nhà đất giữa vợ chồng ông M, bà L2 với bà L là hai giao dịch dân sự độc lập về quyền và nghĩa vụ. Các giấy tờ, tài liệu xác lập giao dịch giữa 02 bên thể hiện 02 giao dịch này không có liên quan về việc thực hiện quyền cũng như đối trừ về nghĩa vụ thanh toán nên không có cơ sở nhập 02 vụ án để giải quyết toàn diện theo yêu cầu của bị đơn như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định là đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị L2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do ông M là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí cho ông M.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Trần Thị Phương L. Buộc bà Lê Thị L2, ông Nguyễn Quang M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Trần Thị Phương L số tiền 1.062.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi hai triệu đồng*)

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Về án phí:

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Trần Thị Phương L số tiền 18.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003720 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

- Buộc bà Lê Thị L2 phải chịu 21.930.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002359 ngày 28/10/ 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Bà L2 còn phải nộp 21.930.000 đồng án phí.

- Ông Nguyễn Quang M được miễn toàn bộ án phí.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành*

*theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.*

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND TP. Đà Lạt (02);
- VKSND TP. Đà Lạt;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự (04);
- Lưu AV – HS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Vũ Thị Nguyệt**